

KẾ HOẠCH
Triển khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi và Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Thực hiện Quyết định số 1985/QĐ-BTP ngày 13/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành kế hoạch triển khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế theo quy định của Luật Nuôi con nuôi; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Góp phần bảo vệ quyền, lợi ích của các bên trong quan hệ cha mẹ và con, quan hệ gia đình; ngăn ngừa, hạn chế những tác động, tranh chấp phát sinh từ việc nuôi con nuôi thực tế, ổn định đời sống của người dân.

- Việc triển khai thực hiện đăng ký nuôi con nuôi thực tế tại địa phương là cơ sở để tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi nói chung và nuôi con nuôi thực tế nói riêng để người dân hiểu mục đích, ý nghĩa cơ bản của việc đăng ký nuôi con nuôi, tự nguyện đăng ký việc nuôi con nuôi.

- Tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước về nuôi con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi, góp phần tăng cường công tác quản lý về hộ tịch trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm bí mật các thông tin về cá nhân; tôn trọng ý chí, nguyện vọng và quyền lợi của người dân trong việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế; tăng cường tuyên truyền, vận động để người dân tự nguyện đăng ký, không cưỡng ép, bắt buộc.

- Kết hợp việc rà soát, thống kê tình hình nuôi con nuôi thực tế với việc đăng ký nuôi con nuôi, không chờ rà soát xong mới đăng ký; việc rà soát, thống kê, đăng ký nuôi con nuôi thực tế phải bảo đảm đúng tiến độ đề ra.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về nuôi con nuôi trong nước, nuôi con nuôi thực tế



- Tiến hành tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi thực tế bằng nhiều hình thức phong phú, nội dung phù hợp; huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể địa phương vào công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi.

- Cần chú trọng mục đích, ý nghĩa cơ bản của việc đăng ký nuôi con nuôi là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích của các bên, ngăn ngừa tranh chấp, mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ gia đình.

- Tuyên truyền sâu rộng để người dân hiểu việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế chỉ được tiến hành trong thời hạn 05 năm, từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2015; hết thời hạn này mà không đăng ký thì việc nuôi con nuôi thực tế sẽ không được pháp luật công nhận, các tranh chấp phát sinh liên quan đến cha mẹ nuôi và con nuôi, giữa con nuôi với thành viên gia đình của cha mẹ nuôi (như nghĩa vụ cấp dưỡng, quyền thừa kế...) sẽ không được pháp luật bảo hộ.

2. Rà soát, thống kê, đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế:

- Việc rà soát, thống kê, đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế được tiến hành bắt đầu từ Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã). Công tác triển khai thực hiện rà soát, thống kê số liệu, tình hình con nuôi thực tế phải triển khai đến tận thôn, xóm, tổ dân phố, khu dân cư...

- Đối tượng rà soát chủ yếu đối với việc nuôi con nuôi thực tế giữa công dân Việt Nam với nhau hiện đang cư trú tại địa phương.

- Kết quả rà soát, thống kê tình hình nuôi con nuôi thực tế tại địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách đầy đủ, chính xác theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập bản tổng hợp tình hình nuôi con nuôi thực tế theo Mẫu số 02, đồng thời làm Báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện về đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế tại địa bàn theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Kế hoạch này. Báo cáo đánh giá cần chú ý một số nội dung cơ bản sau:

- Nguyên nhân, lý do phát sinh hiện tượng nuôi con nuôi thực tế tại địa phương (như do cha mẹ nuôi không sinh đẻ được, do phong tục tập quán, do tác động của xã hội, do nhu cầu muốn có thêm con trai/con gái ...)

- Những khó khăn, trở ngại đối với người dân trong việc đăng ký nuôi con nuôi (như do nhận thức đơn giản, điều kiện đi lại khó khăn, do thủ tục quy định nhiều loại giấy tờ mà người dân không đáp ứng được...).

3. Hướng dẫn lập hồ sơ đối với trường hợp có nhu cầu đăng ký nuôi con nuôi thực tế:

Trong quá trình rà soát, thống kê về tình hình nuôi con nuôi thực tế, nếu cha mẹ nuôi, con nuôi có nguyện vọng đăng ký nuôi con nuôi thực tế thì công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã hướng dẫn đương sự lập hồ sơ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP để nộp cho Ủy ban nhân dân xã.

- Hồ sơ đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế gồm những giấy tờ sau:

+ Tờ khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế (theo mẫu TP/CN-2011/CN.03 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/11/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi). Trong tờ khai cần ghi rõ ngày, tháng, năm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi thực tế, có chữ ký ít nhất của hai người làm chứng;

+ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của cha mẹ nuôi;

+ Bản sao Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Giấy khai sinh của con nuôi;

+ Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của cha mẹ nuôi (nếu có);

+ Giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh về việc nuôi con nuôi (nếu có).

- Trong trường hợp cha mẹ nuôi, con nuôi chưa hoặc không có nguyện vọng đăng ký, thì phải tôn trọng nguyện vọng của người dân mà không được ép buộc họ đi đăng ký. Ủy ban nhân dân cấp xã cần cử cán bộ gặp gỡ, tiếp xúc, tư vấn, tuyên truyền, giải thích cho cha mẹ nuôi, con nuôi nắm rõ về mục đích, ý nghĩa của việc đăng ký nuôi con nuôi; không được công bố hoặc công khai thông tin về nuôi con nuôi thực tế của người dân, gây ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống bình thường của người dân.

4. Tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế giữa công dân Việt Nam với nhau phát sinh trước ngày 01/01/2011, nếu đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 50 của Luật Nuôi con nuôi, như sau:

- Các bên có đủ điều kiện về nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh quan hệ nuôi con nuôi.

- Đến thời điểm ngày 01/01/2011, quan hệ cha, mẹ và con vẫn đang tồn tại và cả hai bên (cha mẹ nuôi và con nuôi) đều phải còn sống.

- Giữa cha mẹ nuôi và con nuôi có mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhau như cha mẹ và con.

b) Đối với trường hợp nuôi con nuôi thực tế tuy đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Điều 50 Luật Nuôi con nuôi, nhưng người dân chưa hoặc không có nguyện vọng đăng ký, thì Ủy ban nhân dân cấp xã cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để người dân hiểu được mục đích, ý nghĩa của việc đăng ký nuôi con nuôi, đồng thời vận động họ đi đăng ký; không được ép buộc đăng ký nếu họ thực sự không có nhu cầu hoặc muốn giữ bí mật về đời tư.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cách thức và thời gian thực hiện:

Kế hoạch triển khai đăng ký nuôi con nuôi thực tế được tiến hành theo 04 giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn 1: Từ tháng 9 năm 2012 đến hết tháng 12 năm 2012

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tiễn tại địa phương để ban hành Kế hoạch triển khai đến Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, thống kê, đăng ký nuôi con nuôi thực tế tại địa phương.

b) Giai đoạn 2: Từ tháng 01 năm 2013 đến hết tháng 6 năm 2013

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát, thống kê về tình hình nuôi con nuôi thực tế và đồng thời tổ chức đăng ký nuôi con nuôi thực tế cho người dân có nhu cầu; lập và gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện bản Tổng hợp kết quả rà soát, thống kê tình hình nuôi con nuôi phát sinh trên địa bàn xã theo Mẫu số 02 và Báo cáo đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế tại địa bàn xã theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo về tình hình nuôi con nuôi thực tế của các Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu số 03 và báo cáo đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn huyện theo Mẫu số 05A gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp).

- Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo về tình hình nuôi con nuôi thực tế tại các huyện, thị xã, thành phố Huế; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Báo cáo đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tư pháp theo Mẫu số 04 và Mẫu số 5B ban hành kèm theo Kế hoạch này.

c) Giai đoạn 3: Từ tháng 7 năm 2013 đến hết tháng 12 năm 2013

- Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn đương sự lập hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi thực tế theo quy định tại Điểm 3, Mục II của Kế hoạch này.

- Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp tục tiến hành đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế khi người dân có nhu cầu.

d) Giai đoạn 4: Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 6 năm 2014

- Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện tập trung chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế cho người dân theo quy định tại Điểm 4, Mục II của Kế hoạch này.

- Việc báo cáo tình hình đăng ký con nuôi thực tế cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) thực hiện tương tự giai đoạn 2 của Kế hoạch này.

- Sở Tư pháp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình nuôi con nuôi thực tế và kết quả đăng ký nuôi con nuôi thực tế trên toàn tỉnh, báo cáo Bộ Tư pháp theo Mẫu số 04 và Mẫu số 5B ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2. Trách nhiệm thực hiện:

a) Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Tổng hợp tình hình đăng ký nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra;

- Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tình hình đăng ký nuôi con nuôi thực tế;

- Phối hợp với Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các đoàn thể như Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ...trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Trách nhiệm của Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và xã hội; đề nghị các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:

- Phối hợp với Sở Tư pháp và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cơ sở phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và thành phố Huế

- Căn cứ Kế hoạch này, tùy tình hình cụ thể của địa phương, để ban hành kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn và chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổng hợp và xây dựng báo cáo đánh giá tình hình nuôi con nuôi thực tế tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp).

- Kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc phát sinh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) có hướng chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết.

d) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

- Tiến hành tuyên truyền, phổ biến pháp luật về nuôi con nuôi; tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá và đăng ký đối với các trường hợp nuôi con nuôi thực tế theo các nội dung quy định tại Kế hoạch này.

- Thực hiện việc báo cáo rà soát, thống kê, đánh giá về tình hình nuôi con nuôi thực tế theo đúng quy định và tiến độ đã đề ra.

- Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai Kế hoạch để có hướng xử lý.

- Phân công trách nhiệm và huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức đoàn thể địa phương để bảo đảm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

3. Kinh phí thực hiện:

- Việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế được miễn lệ phí theo quy định tại khoản 3, Điều 43 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

- Sử dụng nguồn kinh phí bổ trí hằng năm của cơ quan, đơn vị để thực hiện việc rà soát, khảo sát, thống kê và đăng ký nuôi con nuôi thực tế theo Kế hoạch này.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ đã đề ra. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để được hướng dẫn cụ thể./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Hội Cựu Chiến binh tỉnh;
- Hội LH Phụ nữ tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Y tế;
- Sở Lao động, TB và XH;
- UBND các huyện, thị xã và TP Huế;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- CVP, các PCVP và CV: TH;
- Lưu: VT, NV. *p*



Nguyễn Văn Cao

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 88../KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2012)

STT	Mối quan hệ nuôi con nuôi thực tế	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Thời điểm phát sinh quan hệ con nuôi ¹	Nguồn gốc con nuôi ²	Lý do nhận con nuôi			Nơi cư trú		Quan hệ nuôi con nuôi hiện tại		Ghi chú
						Không có con đẻ	Muốn có/có thêm con trai/con gái	Lý do khác ³	Địa chỉ đăng ký HKTT	Địa chỉ cư trú hiện tại	Cha mẹ nuôi và con nuôi vẫn có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau	Cha mẹ nuôi và con nuôi không còn quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau	
01	Cha nuôi												
	Mẹ nuôi												
	Con nuôi												
02	Cha nuôi												
	Mẹ nuôi												
	Con nuôi												

Người lập danh sách
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
TM. UBND XÃ (phường/thị trấn)

¹ Ngày, tháng, năm cha mẹ nuôi bắt đầu việc nhận nuôi con nuôi.

² Ghi rõ con nuôi được nhận từ đâu. Ví dụ là trẻ bị bỏ rơi (ở đâu); trẻ em được cho từ gia đình (địa chỉ); trẻ em xin từ cơ sở y tế (tên và địa chỉ cơ sở y tế) trẻ em xin từ cơ sở nuôi dưỡng (tên cơ sở nuôi dưỡng) v.v...

³ Ghi rõ là vì lý do nhân đạo; vì giúp đỡ cha mẹ đẻ nghèo khó, đồng con; do phong tục tập quán; hoặc lý do khác

HUYỆN (thị xã/ thành phố).....
XÃ (phường/ thị trấn).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 62

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ TẠI ĐỊA BÀN CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 88./KH-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2012)

STT	Tổng số trường hợp nuôi con nuôi thực tế	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế đáp ứng đủ điều kiện theo Điều 50 của Luật Nuôi con nuôi	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế đã được đăng ký (từ ngày 01/01/2011 đến nay)	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế chưa đăng ký (từ ngày 01/01/2011 đến nay)	Lý do chưa đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế					Ghi chú
					Một bên cha/mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết	Quan hệ nuôi con nuôi không còn tồn tại	Không đủ điều kiện về độ tuổi (cha/mẹ nuôi và con nuôi cách nhau dưới 20 tuổi)	Khó khăn về hồ sơ, giấy tờ (do không có giấy tờ; không biết lập hồ sơ; không biết chữ...)	Cha mẹ nuôi/con nuôi không muốn đăng ký (muốn giữ bí mật)	

Người tổng hợp
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày... tháng... năm
TM. UBND XÃ (phường/thị trấn)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ TẠI ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 88/KH-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2012)

STT	Tổng số trường hợp nuôi con nuôi thực tế	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế đáp ứng đủ điều kiện theo Điều 50 của Luật Nuôi con nuôi	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế đã được đăng ký (từ ngày 01/01/2011 đến nay)	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế chưa đăng ký (từ ngày 01/01/2011 đến nay)	Lý do chưa đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế					Ghi chú
					Một bên cha/mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết	Quan hệ nuôi con nuôi không còn tồn tại	Không đủ điều kiện về độ tuổi (cha/mẹ nuôi và con nuôi cách nhau dưới 20 tuổi)	Khó khăn về hồ sơ, giấy tờ (do không có giấy tờ; không biết lập hồ sơ; không biết chữ...)	Cha mẹ nuôi/con nuôi không muốn đăng ký (muốn giữ bí mật)	

Người tổng hợp
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
TM. UBND HUYỆN (thị xã/thành phố)
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ TẠI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 88/KH-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2012)

STT	Tổng số trường hợp nuôi con nuôi thực tế	Trường hợp nuôi con nuôi thực tế đáp ứng đủ điều kiện theo Điều 50 của Luật Nuôi con nuôi	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế đã được đăng ký (từ ngày 01/01/2011 đến nay)	Số trường hợp nuôi con nuôi thực tế chưa đăng ký (từ ngày 01/01/2011 đến nay)	Lý do chưa đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế					Ghi chú
					Một bên cha/mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết	Quan hệ nuôi con nuôi không còn tồn tại	Không đủ điều kiện về độ tuổi (cha/mẹ nuôi và con nuôi cách nhau dưới 20 tuổi)	Khó khăn về hồ sơ, giấy tờ (do không có giấy tờ; không biết lập hồ sơ, không biết chữ...)	Cha mẹ nuôi/con nuôi không muốn đăng ký (muốn giữ bí mật)	

Người tổng hợp
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ, tên)

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, THỐNG KÊ TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

1. Tổng hợp số liệu nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn xã (báo cáo nêu rõ số liệu tổng hợp theo từng giai đoạn, trong đó đã đăng ký bao nhiêu trường hợp, chưa đăng ký bao nhiêu trường hợp, lý do vì sao chưa đăng ký).

2. Các trường hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh gây trở ngại cho việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế (ví dụ một trong hai bên cha mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết trước ngày 01/01/2011; khoảng cách chênh lệch giữa cha mẹ nuôi với con nuôi chưa đến 20 tuổi; cha mẹ nuôi và con nuôi không còn quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau v.v...)

II. ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC NUÔI CON NUÔI

1. Đánh giá về sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân đối với công tác quản lý nuôi con nuôi và đăng ký con nuôi thực tế.

2. Đánh giá về sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch (như cơ quan Công an, cơ quan y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như các tổ chức liên quan khác).

3. Đánh giá về nguyên nhân, lý do của việc phát sinh hiện tượng nuôi con nuôi thực tế; nguyên nhân, lý do của việc người dân không đăng ký việc nuôi con nuôi; những hạn chế, tồn tại, vướng mắc khác và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại đó.

4. Đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả việc đăng ký nuôi con nuôi nói chung, nuôi con nuôi thực tế nói riêng tại địa phương.

5. Những vấn đề khác mà địa phương cần báo cáo.

TM. ỦY BAN NHÂN XÃ (Phường/thị trấn)
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, THỐNG KÊ TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

1. Tổng hợp số liệu nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn huyện/thị xã/thành phố (báo cáo nêu rõ số liệu tổng hợp theo từng giai đoạn, trong đó đã đăng ký bao nhiêu trường hợp, chưa đăng ký bao nhiêu trường hợp, lý do vì sao chưa đăng ký).

2. Các trường hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh gây trở ngại cho việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế (ví dụ một trong hai bên cha mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết trước ngày 01/01/2011; khoảng cách chênh lệch giữa cha mẹ nuôi với con nuôi chưa đến 20 tuổi; cha mẹ nuôi và con nuôi không còn quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau v.v...)

II. ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC NUÔI CON NUÔI

1. Đánh giá về sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân đối với công tác quản lý nuôi con nuôi và đăng ký con nuôi thực tế.

2. Đánh giá về sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch (như cơ quan Công an, cơ quan y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như các tổ chức liên quan khác).

3. Đánh giá về nguyên nhân, lý do của việc phát sinh hiện tượng nuôi con nuôi thực tế; nguyên nhân, lý do của việc người dân không đăng ký việc nuôi con nuôi; những hạn chế, tồn tại, vướng mắc khác và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, vướng mắc khác đó.

4. Đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả việc đăng ký nuôi con nuôi nói chung, nuôi con nuôi thực tế nói riêng tại địa phương.

5. Những vấn đề khác mà địa phương cần báo cáo.

TM. UBND HUYỆN (thị xã/thành phố)
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ

I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, THỐNG KÊ TÌNH HÌNH NUÔI CON NUÔI THỰC TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Tổng hợp số liệu nuôi con nuôi thực tế trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc Trung Ương (báo cáo nêu rõ số liệu tổng hợp theo từng giai đoạn, trong đó đã đăng ký bao nhiêu trường hợp, chưa đăng ký bao nhiêu trường hợp, lý do vì sao chưa đăng ký).

2. Các trường hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh gây trở ngại cho việc đăng ký nuôi con nuôi thực tế (ví dụ một trong hai bên cha mẹ nuôi hoặc con nuôi đã chết trước ngày 01/01/2011; khoảng cách chênh lệch giữa cha mẹ nuôi với con nuôi chưa đến 20 tuổi; cha mẹ nuôi và con nuôi không còn quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau v.v...)

II. ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC NUÔI CON NUÔI

1. Đánh giá về sự chỉ đạo của cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân đối với công tác quản lý nuôi con nuôi và đăng ký con nuôi thực tế.

2. Đánh giá về sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành địa phương trong việc thực hiện Kế hoạch (như cơ quan Công an, cơ quan y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như các tổ chức liên quan khác).

3. Đánh giá về nguyên nhân, lý do của việc phát sinh hiện tượng nuôi con nuôi thực tế; nguyên nhân, lý do của việc người dân không đăng ký việc nuôi con nuôi; những hạn chế, tồn tại, vướng mắc khác và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại, vướng mắc khác đó.

4. Đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả việc đăng ký nuôi con nuôi nói chung, nuôi con nuôi thực tế nói riêng tại địa phương.

5. Những vấn đề khác mà địa phương cần báo cáo.

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)